

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIỮA VIỆT NAM VỚI BELARUS: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Nguyễn Văn Hồng¹, Đoàn Vân Hà, Nguyễn Huyền Minh
Trường Đại học Ngoại thương

Trần Xuân Bách
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Tóm tắt:

Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) là hình thức quan trọng của quan hệ kinh tế quốc tế, dựa trên cơ sở của phân công lao động quốc tế, mang tính trao đổi, trong đó có sự tham gia của đông đảo các chủ thể từ cấp vi mô gồm các nhà khoa học, nghiên cứu, chuyên gia, các pháp nhân đến cấp vĩ mô gồm các quốc gia và các liên kết kinh tế quốc tế, tổ chức quốc tế,... Trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ hiện nay, đẩy mạnh hoạt động hợp tác KH&CN với các nước là một xu hướng tất yếu, là tiền đề quan trọng để các nước xây dựng nền KH&CN nội sinh.

Belarus là đối tác truyền thống của Việt Nam từ thời Xô Viết. Thực tiễn những năm qua cho thấy, Việt Nam và Belarus đã đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực KH&CN dựa trên các Hiệp định, Nghị định thư, Thỏa thuận ký kết cấp Chính phủ cũng như cấp Bộ, ngành, Viện, trường,... Các hoạt động hợp tác thực hiện dưới dạng trao đổi thông tin, kết quả nghiên cứu tại các hội thảo, diễn đàn, cùng tiến hành các hoạt động nghiên cứu chung trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ,... Tuy nhiên, các hoạt động hợp tác còn mang tính tự phát, chưa tạo ra những chuyển biến đột phá khiến kết quả hoạt động hợp tác về KH&CN chưa tương xứng với quan hệ truyền thống vốn có và tiềm năng của các bên.

Bài viết sẽ phân tích sự cần thiết phải đẩy mạnh hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus trong bối cảnh mới hiện nay, phân tích bức tranh hợp tác giữa hai nước và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hợp tác song phương về KH&CN.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Hợp tác quốc tế; Belarus.

Mã số: 17112901

1. Sự cần thiết phải đẩy mạnh hợp tác giữa Việt Nam và Belarus trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Thứ nhất, Belarus vốn là đối tác truyền thống có sự hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ với nước ta về KH&CN. Sau khi Liên Xô tan rã, quan hệ hợp tác mọi mặt, trong đó có KH&CN, giữa Việt Nam và Belarus có sự ngưng trệ. Tuy

¹ Liên hệ tác giả: nvanhong69@gmail.com

nhiên, bối cảnh khu vực và thế giới đã có nhiều thay đổi dẫn tới những thay đổi trong đường lối đối ngoại của Belarus. Bản thân Belarus cũng nhận thấy sự cần thiết phải hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới mà hội nhập về KH&CN là một mắt xích không thể thiếu và khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, ngày càng giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Việt Nam - đối tác truyền thống có bề dày lịch sử và hiểu biết lẫn nhau - là cầu nối quan trọng để giúp Belarus có thể thâm nhập vào khu vực ASEAN và châu Á-Thái Bình Dương.

Thứ hai, Việt Nam và Belarus là đối tác truyền thống, tính đến tháng 01 năm 2017, hai nước đã có 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Hơn thế nữa, hiện Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại tự do với Liên minh kinh tế Á-Âu mà Belarus là thành viên trụ cột, trong đó, Liên minh kinh tế Á-Âu hiện đang nỗ lực xây dựng không gian KH&CN chung.

Thứ ba, với tiềm lực sẵn có về KH&CN, sau một thời gian cải cách mở cửa nền kinh tế, Belarus đã có những bước phát triển nhất định về KH&CN và có ưu thế so với các nước khác trên thế giới ở một số lĩnh vực nhất định với chất lượng không thua kém công nghệ Âu, Mỹ mà giá thành thấp hơn. Hiện nay, so với một số nước SNG, Belarus có một số ưu thế trong công nghệ thông tin, công nghệ dược phẩm, công nghệ nano, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sản xuất các thiết bị tiết kiệm năng lượng. Đặc biệt, vấn đề đổi mới sáng tạo công nghệ được Belarus chú trọng và phát triển mạnh mẽ. Hợp tác với Belarus sẽ giúp cho Việt Nam có thể tiếp nhận các công nghệ mới, phù hợp thông qua các kênh khác nhau.

Thứ tư, quá trình hợp tác mang tính chất tương tác, hai chiều, dựa trên cơ sở hai bên cùng có lợi và dựa trên lợi thế so sánh của mỗi bên. Một mặt, Việt Nam thu hút tri thức khoa học, những công nghệ tiên tiến của Belarus phục vụ phát triển đất nước, mặt khác, Việt Nam có thể có cơ hội đưa công nghệ và những sản phẩm khoa học của mình ra thị trường nước ngoài. Belarus sẽ thành cầu nối để Việt Nam có thể xúc tiến một số sản phẩm KH&CN sang chính nước này và các nước trong Liên minh kinh tế Á-Âu.

Thứ năm, trong quá trình hợp tác, Việt Nam còn có thể học hỏi được kinh nghiệm của Belarus trong việc hoạch định, thực thi chính sách phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo, giải quyết những vấn đề, những bất cập trong quá trình phát triển và hợp tác quốc tế về KH&CN mà Belarus gặp phải.

2. Cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ của Việt Nam với Belarus

Belarus không có chính sách riêng về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới. Tuy nhiên, hợp tác quốc tế về KH&CN là một bộ phận cấu thành quan trọng của chính sách phát triển KH&CN của

Belarus nhằm thúc đẩy hợp tác giữa các nhà khoa học và các chuyên gia, các nhà sáng chế trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, cũng như đổi mới sáng tạo nhằm mục đích nâng cao năng lực KH&CN nội sinh. Điều này được thể hiện trong chính sách KH&CN quốc gia và trong các thỏa thuận hợp tác liên chính phủ, liên ngành cũng như thỏa thuận với các tổ chức, các chương trình, các quỹ quốc tế.

Cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động hợp tác của Belarus là các thỏa thuận, hiệp định quốc tế. Hiện nước này đã ký trên 30 thỏa thuận song phương và trên 10 thỏa thuận đa phương (trong khuôn khổ SNG) về hợp tác trong lĩnh vực KH&CN. Ngoài ra, Belarus cũng đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế như SCOPEs, Ủy ban khoa học NATO, Trung tâm khoa học kỹ thuật quốc tế (*Đỗ Hương Lan, 2016*).

Trong chính sách hợp tác về KH&CN của Belarus, các vấn đề về bảo hộ sở hữu trí tuệ được đặc biệt quan tâm. Chủ trương của Belarus trong hợp tác quốc tế về KH&CN là thông qua hợp tác để mua các công nghệ tiên tiến, cần thiết và bán các công nghệ của mình. Quan điểm hợp tác quốc tế của Belarus là đảm bảo lợi ích quốc gia cho phù hợp với thực tiễn kinh tế thế giới, giải quyết được các nhiệm vụ KH&CN trong nước.

Trong Chiến lược phát triển và các chương trình, bao gồm cả các chương trình phát triển kinh tế-xã hội (2011-2015), chương trình quốc gia về phát triển đổi mới, sáng tạo của Cộng hòa Belarus (2011-2015) đã nhấn mạnh vai trò của hợp tác quốc tế trong sự phát triển của nền kinh tế quốc gia và phát triển KH&CN. Hợp tác quốc tế về KH&CN của Belarus hướng vào các mục tiêu sau:

- Hỗ trợ việc thực hiện các dự án ưu tiên trọng điểm quốc gia;
- Thúc đẩy hoạt động của các sản phẩm khoa học và kỹ thuật trên thị trường thế giới;
- Đào tạo và phát triển năng lực KH&CN quốc gia;
- Thu hút các nguồn nước ngoài tài trợ trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật quốc gia (đầu tư nước ngoài, viện trợ),...

Theo Điều 3, Luật KH&CN của Belarus ban hành ngày 19/01/1993, hợp tác quốc tế về KH&CN của Belarus được tiến hành theo các hình thức sau:

- Thực hiện các nghiên cứu chung, các chương trình KH&CN trên cơ sở các thỏa thuận, hiệp định, hợp đồng có yếu tố quốc tế;
- Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, sáng chế chung do tập thể các chuyên gia quốc tế, viện nghiên cứu quốc tế tiến hành tại các tổ chức, doanh nghiệp chung;

- Trao đổi thông tin KH&CN, thiết lập và sử dụng các quỹ, ngân hàng thông tin dữ liệu liên quốc gia;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm quốc tế;
- Trao đổi chuyên gia, nhà khoa học, nghiên cứu sinh, cùng đào tạo chuyên gia;
- Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế khác không trái với quy định của pháp luật.

Chủ thể của hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN có thể tham gia thực hiện các chương trình, dự án, ký kết thỏa thuận, hợp đồng với các nước, các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế, gia nhập cộng đồng khoa học quốc tế, các tổ chức, hiệp hội KH&CN không trái với quy định của pháp luật.

Hợp tác KH&CN của Belarus chủ trương hướng vào đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên như tạo công nghệ mới trong nông nghiệp, cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, sinh học, y học, hóa học tinh vi, điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu mới, tiết kiệm nhiên liệu,

Quan hệ hợp tác về KH&CN của Việt Nam với Belarus là sự kế thừa quan hệ hợp tác của Việt Nam với Liên Xô. Cách đây hơn nửa thế kỷ, vào ngày 07/3/1959, Liên Xô và Việt Nam đã chính thức ký kết hiệp định về hợp tác khoa học-kỹ thuật. Trong suốt những năm chiến tranh ở Việt Nam, Liên Xô đã có những giúp đỡ to lớn về mọi mặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng như giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tiếp đó, thời kì từ năm 1975 đến khi Liên Xô tan rã, hai bên đã xây dựng được 72 chương trình về phát triển khoa học-kỹ thuật liên quan tới mọi lĩnh vực đo lường, nông nghiệp và lương thực-thực phẩm, điều tra cơ bản, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, khí tượng-thủy văn, hải dương học, dầu khí, năng lượng, hóa học, hạt nhân, cơ khí-luyện kim, giao thông vận tải, trồng cây dược liệu, bảo vệ môi trường,...

Việt Nam đã ký kết với Belarus Hiệp định hợp tác đầu tiên về KH&CN vào ngày 05/6/1995. Theo Hiệp định này, việc hợp tác giữa hai bên có thể được tiến hành dưới các hình thức:

- Thực hiện các công việc nghiên cứu khoa học chung, các dự án chung bao gồm trao đổi kết quả nghiên cứu, trao đổi nhà khoa học, chuyên gia trong quá trình thực hiện nghiên cứu;
- Đồng tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Trao đổi thông tin, tài liệu khoa học kỹ thuật;
- Cùng sử dụng, khai thác thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học;
- Các hình thức hợp tác KH&CN khác trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên.

Để đảm bảo việc thực thi Hiệp định, Ủy ban hỗn hợp sẽ được thành lập và họp định kỳ. Các lĩnh vực hợp tác sẽ được thảo luận và thống nhất bởi Ủy ban này và đưa thành chương trình hành động. Khuyến khích ký các thỏa thuận phát triển hợp tác lâu dài giữa các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, hiệp hội khoa học, trường đại học và các tổ chức khoa học khác.

Sau Hiệp định này, hai bên đã ký một số thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa, đo lường và đánh giá sự phù hợp;

Bên cạnh các hiệp định, nghị định thư, thỏa thuận ký kết giữa Belarus với Việt Nam ở cấp Chính phủ (Bộ, ngành), giữa các viện, trường và các tổ chức KH&CN của Việt Nam với Belarus còn ký kết hàng loạt thỏa thuận khung và thỏa thuận cụ thể làm cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN như: Thỏa thuận về hợp tác khoa học giữa Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Belarus; Thỏa thuận hỗ trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản giữa Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và Quỹ nghiên cứu cơ bản Belarus,...

3. Hiện trạng hợp tác về khoa học và công nghệ của Việt Nam với Belarus

Hợp tác về KH&CN của Việt Nam với Belarus đã được triển khai ở nhiều lĩnh vực, dưới nhiều hình thức.

Trong giai đoạn 2000-2012, có 15 đề tài hợp tác nghiên cứu trên cơ sở Nghị định thư và thỏa thuận song phương, trong đó có 01 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, các đề tài còn lại tập trung vào lĩnh vực điện tử, vật liệu mới, hàng không, tin học, cơ khí. Cụ thể là; trong năm 2011, trên cơ sở hợp tác của Quỹ nghiên cứu cơ bản Belarus và Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã có 10 dự án nghiên cứu cơ bản tiến hành chung. Ngoài ra, thỏa thuận hợp tác giữa Công viên công nghệ cao Belarus với Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã được ký kết. Năm 2012, Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Belarus và Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã ký bản ghi nhớ về thành lập Trung tâm hỗ trợ hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus. Hiện nay, Trung tâm đào tạo về đổi mới công nghệ Việt Nam-Belarus đã được thành lập và có 2 phân hiệu: ở Việt Nam đặt tại Bình Dương trên cơ sở Đại học Bình Dương và Công ty VC Invest, ở Belarus - đặt tại Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Belarus. Theo kênh hợp tác của Trung tâm này, hiện có 4 dự án lớn, dài hạn về khoa học kỹ thuật của Đại học tổng hợp kỹ thuật Belarus được phía Việt Nam phê duyệt thực hiện.

Tính đến hết năm 2014, Việt Nam có tổng số 16 đề tài hợp tác với Belarus, trong đó, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam có 10 đề tài, Bộ Giáo dục và Đào tạo 5 đề tài và Bộ Xây dựng 1 đề tài. Năm 2015 và 2016, theo thống kê

của Bộ KH&CN Việt Nam, giữa hai nước không có đề tài hợp tác nào được thực hiện theo kênh hợp tác liên chính phủ, liên Bộ.

Trong thời gian qua, ưu tiên trong hợp tác KH&CN giữa hai nước tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Vi điện tử;
- Công nghệ thông tin;
- Xe và động cơ diesel;
- Vật liệu mới;
- Khai thác và chế biến dầu;
- Công nghệ sinh học;
- Thuốc y tế.

Có thể nói, giữa một số tổ chức KH&CN Việt Nam và Belarus đã hình thành mô hình hợp tác dưới dạng trung tâm, trong đó có trung tâm hợp tác về KH&CN đặt tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia ở Việt Nam và Trường Đại học Bách khoa Minsk. Tuy nhiên, hoạt động của trung tâm, theo lời ông Andrei Symonchyk - một trong những người tạo ý tưởng thành lập trung tâm này, gần như đóng băng do không có nguồn kinh phí tài trợ và bản thân trung tâm không có hoạt động để tạo ra kinh phí. Cũng theo ông Symonchyk, tình trạng các Thỏa thuận của Belarus ký kết với nước ngoài nói chung và Việt Nam nói riêng không đi vào đời sống là khá phổ biến, và một số trung tâm ra đời trên cơ sở thỏa thuận trên thực tế chỉ tồn tại một cách hình thức.

So với Liên bang Nga - nước láng giềng của Belarus, hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus, nhìn chung, còn ở mức thấp. Trong khi tính đến hết năm 2014, Việt Nam và Belarus chỉ có 16 đề tài, dự án được thực hiện trên cơ sở Thỏa thuận song phương và Nghị định thư thì giữa Việt Nam với Liên bang Nga đã có trên 50 đề tài được thực hiện, trong đó số lượng đề tài khoa học xã hội nhân văn là 10 đề tài (*Đỗ Hương Lan, 2016*). Ngoài ra, chưa kể số đề tài hợp tác trên cơ sở kinh phí cấp từ Quỹ nghiên cứu của Việt Nam và Liên bang Nga.

Nguyên nhân dẫn tới tình trạng yếu kém trong hoạt động hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus chủ yếu gồm:

Thứ nhất, sau khi Liên Xô tan rã, cả Việt Nam và Belarus đều tiến hành cải cách kinh tế và thay đổi đường lối đối ngoại, trong đó có cả các chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN, Belarus và Việt Nam trở thành những đối tác

vừa quen, vừa lạ với các cơ chế hợp tác thay đổi, dựa trên nền tảng đôi bên cùng có lợi, trong khi kinh phí tài trợ cho hợp tác bị hạn chế. Sự mở cửa nền kinh tế cùng hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng của Việt Nam, khiến Việt Nam có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với các công nghệ tiên tiến của các nước phương Tây, trong khi đó, mặc dù Belarus là đất nước có tiềm lực mạnh về KH&CN song các hoạt động xúc tiến, quảng bá chưa được triển khai mạnh mẽ, các tổ chức KH&CN của Belarus chưa thích ứng nhanh với cơ chế thị trường. Điều này dẫn tới rào cản vô hình cản trở Việt Nam và Belarus đẩy mạnh hợp tác về KH&CN.

Thứ hai, cơ sở pháp lý để tiến hành hoạt động hợp tác về KH&CN giữa hai bên mặc dù đã được thiết lập, song qua khảo sát ý kiến của các tổ chức KH&CN và các doanh nghiệp về nhu cầu hợp tác với các đối tác Belarus (do nhóm tiến hành trong khuôn khổ đề tài KX06.09/11-15 “Nghiên cứu đổi mới và hoàn thiện mô hình hợp tác quốc tế về KH&CN của Việt Nam với các đối tác truyền thống trong bối cảnh hội nhập: nghiên cứu điển hình về hợp tác với Liên bang Nga, Belarus và Kazakhstan) thì 75% số doanh nghiệp được hỏi và 54% số tổ chức KH&CN được hỏi đánh giá mức độ đáp ứng của căn cứ pháp lý ở mức trung bình. Có 20% tổ chức KH&CN và 2,5% doanh nghiệp được hỏi cho rằng mức độ đáp ứng của căn cứ pháp lý là tốt. Số còn lại đánh giá mức độ đáp ứng của căn cứ pháp lý là thấp và rất thấp.

Thứ ba, thiếu thông tin về thị trường và khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới những hạn chế trong hoạt động hợp tác về KH&CN song phương. Qua khảo sát các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN của Việt Nam, có gần 80% tổ chức KH&CN và trên 50% doanh nghiệp được hỏi cho rằng đây là nguyên nhân quan trọng và là nhóm yếu tố cản trở ở mức độ cao khiến cho hoạt động hợp tác giữa hai bên còn yếu kém.

Thứ tư, thiếu kinh phí tài trợ cho các hoạt động hợp tác về KH&CN là nguyên nhân cản trở hoạt động hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus. Minh chứng cho vấn đề này là một số trung tâm hợp tác về KH&CN đã được thành lập nhưng không có kinh phí để hoạt động, nhiều hoạt động hợp tác chỉ mang tính danh nghĩa. Cũng do thiếu kinh phí nên các hoạt động xúc tiến, quảng bá không được tổ chức một cách đồng bộ, bài bản, thường xuyên để tăng khả năng tiếp cận thị trường của các tổ chức, doanh nghiệp KH&CN. Có 70% tổ chức KH&CN và 50% doanh nghiệp được hỏi cho rằng thiếu kinh phí là nguyên nhân quan trọng thứ ba sau hai nguyên nhân thiếu thông tin thị trường và khó khăn trong tìm kiếm đối tác.

Thứ năm, các nguyên nhân khác như rào cản ngôn ngữ, văn hóa, rào cản trong chính sách xuất nhập cảnh, chế độ visa của phía Belarus cũng là những yếu tố cản trở hoạt động hợp tác của Việt Nam với Belarus.

4. Một số khuyến nghị

Để có căn cứ đưa ra các khuyến nghị, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn nhu cầu hợp tác của 200 tổ chức KH&CN và doanh nghiệp KH&CN tại Việt Nam. 100% tổ chức được hỏi đều bày tỏ mong muốn hợp tác với các đối tác Belarus trong lĩnh vực KH&CN. Trong đó, 19,27% tổ chức được hỏi bày tỏ mong muốn được hợp tác dưới hình thức trao đổi thông tin KH&CN; 19,27% được hỏi mong muốn trao đổi chuyên gia KH&CN; 19% được hỏi mong muốn cùng triển khai dự án, đề tài; 18,8% số tổ chức được hỏi bày tỏ mong muốn đồng tổ chức hội thảo khoa học. Chuyển giao công nghệ chỉ được 7,45% bày tỏ mong muốn được hợp tác. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý bởi tính chất hoạt động, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức KH&CN. Trong khi đó, ở khu vực doanh nghiệp, có 28,9% doanh nghiệp được hỏi mong muốn được hợp tác chuyển giao công nghệ với phía Belarus, 19% doanh nghiệp được hỏi mong muốn trao đổi thông tin KH&CN và 24% doanh nghiệp được hỏi mong muốn cùng triển khai dự án, đề tài.

Trên cơ sở phân tích hiện trạng hợp tác cùng nhu cầu của các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp, để đẩy mạnh hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus, một số khuyến nghị được đưa ra là:

Về căn cứ pháp lý:

- Xây dựng chương trình hợp tác KH&CN với các ưu đãi cụ thể giữa Việt Nam và Belarus trong khuôn khổ hợp tác của Việt Nam với Liên minh kinh tế Á-Âu, coi hợp tác về KH&CN là công cụ quan trọng để đẩy mạnh hợp tác về kinh tế, và phát triển kinh tế của Việt Nam và Belarus. Trong chương trình đó, cần chỉ ra các lĩnh vực, hình thức hợp tác giữa các bên cũng như các cơ chế tài chính, các cơ chế khuyến khích, chỉ ra các mô hình hợp tác, điều kiện thực hiện các mô hình hợp tác.

Về kinh phí:

- Hai bên cần ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển KH&CN để hỗ trợ cho các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN giữa hai nước;
- Đề xuất góp vốn cùng với các nước đối tác thành lập các Quỹ hợp tác KH&CN giữa Việt Nam với Belarus trong khuôn khổ Liên minh kinh tế Á-Âu để giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm về KH&CN;

- Về phía Việt Nam, cần tăng kinh phí hỗ trợ cho các trường, viện, nhà nghiên cứu nước ngoài từ Belarus và các nước trong Liên minh đến làm việc tại Việt Nam. Hỗ trợ kinh phí cho các nhà khoa học Việt Nam tham gia vào mạng lưới nghiên cứu của khu vực SNG;
- Nhà nước cần tạo cơ chế đặc biệt, khuyến khích sự đồng tham gia tài trợ cho nghiên cứu và triển khai từ phía doanh nghiệp theo mô hình đối tác công tư. Chính phủ hai nước sẽ tài trợ cho các dự án hợp tác nghiên cứu do các doanh nghiệp Belarus (đầu tư tại Việt Nam), doanh nghiệp Việt Nam (đầu tư tại Belarus), hoặc doanh nghiệp liên doanh Việt Nam - Belarus đặt hàng các nhóm nghiên cứu hai nước thực hiện (doanh nghiệp chi 70%, Chính phủ hai nước tài trợ 30% tổng kinh phí thực hiện dự án).

Về tăng cường thông tin KH&CN và xúc tiến, quảng bá, hỗ trợ tìm kiếm đối tác KH&CN:

- Tích cực tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo để cung cấp thông tin về thị trường KH&CN Việt Nam và Belarus ở từng nước;
- Xây dựng cổng thông tin điện tử về KH&CN làm cơ sở hợp tác giữa Việt Nam với Belarus. Trên trang thông tin điện tử là các thông tin chuyên sâu về tiềm năng, các cơ hội hợp tác về KH&CN của Việt Nam với Belarus, thông tin về cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác, chuyên mục tư vấn dành cho doanh nghiệp có nhu cầu. Trang thông tin điện tử sẽ đóng vai trò là cầu nối giữa cung và cầu về KH&CN giữa Việt Nam với Belarus.
- Đẩy mạnh các hoạt động triển lãm, diễn đàn KH&CN, các loại hình chợ công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, giới thiệu các thành tựu KH&CN mới, tiên tiến của Belarus tại Việt Nam và ngược lại;
- Xây dựng phòng trưng bày công nghệ Belarus tại Việt Nam, nhất là những công nghệ trong nông nghiệp, y tế, dược phẩm. Đây là cơ sở để thiết lập một trung tâm thông tin giúp hai bên trao đổi về các hoạt động công nghệ và chuyên gia công nghệ.

Như trên đã nhận định, hiện nay, một trong những rào cản cản trở hoạt động hợp tác là vấn đề xuất nhập cảnh, visa của nhà khoa học Việt Nam sang Belarus. Phía Việt Nam đã miễn thị thực trong vòng 15 ngày cho công dân Belarus. Từ ngày 12/02/2017, phía Belarus miễn thị thực 5 ngày cho công dân Việt Nam². Tuy nhiên, thời hạn 5 ngày là ít để có thể tìm hiểu khảo sát thị trường và tìm kiếm cơ hội hợp tác.

² Công dân Việt Nam được miễn thị thực nhập cảnh 5 ngày đến Belarus, Tổng cục du lịch, <http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/18197>

Chính vì vậy, để tăng cường hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và Belarus cần tạo điều kiện tự do đi lại cho các nhà khoa học cũng như các doanh nghiệp.

Hiện nay, Việt Nam và Belarus cùng là thành viên của FTA giữa Việt Nam với Liên minh kinh tế Á-Âu. Điều đó mở ra một triển vọng hợp tác thương mại nói chung và KH&CN nói riêng cho Việt Nam và các quốc gia thành viên, trong đó có Belarus. Với những lợi thế so sánh của mình, Việt Nam và Belarus có thể hợp tác hiệu quả trong lĩnh vực KH&CN để thúc đẩy hợp tác về kinh tế, tạo nền tảng phát triển kinh tế của mỗi nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Do Huong Lan. 2016. *Nghiên cứu đổi mới và hoàn thiện mô hình hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ của Việt Nam với các đối tác truyền thống trong bối cảnh hội nhập: nghiên cứu điển hình về hợp tác với LB Nga, Belarus và Kazakhstan*. Báo cáo tổng hợp Đề tài nghiên cứu khoa học.

Tiếng nước ngoài:

2. Caroline S. Wagner. 2000. *Testimony: International cooperation in research and development*, CT-146, RAND, 3/2000.
3. Caroline S. Wagner, Irene Brahmakulam. 2001. *Science and technology collaboration: Building capacity in developing countries*, RAND, MR-1357.0-WB, 3/2001.
4. Международное научно-техническое сотрудничество Республики Беларусь: состояние, тенденции развития, журнал «Новости науки и технологий», № 1(5), 2017.